TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 178/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 31-5-2019
V/v: Tranh chấp HNGĐ xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Thành Dũng

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Võ Văn Tám.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Hữu Đức – Kiểm sát viên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Trường-Thư ký Tòa án.

Ngày 31 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 130 /2019/TLST- HNGĐ ngày 27-3-2019, về: "*Tranh chấp hôn nhân- gia đình, xin ly hôn"*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Mai Văn Đ, sinh năm 1968, cư trú tổ 14, ấp Phú Mỹ H, xã Phú Th, Phú T, An Giang.

- Bị đơn: Nguyễn Thị B, sinh năm 1972, cư trú tổ 14, ấp Phú Mỹ H, xã Phú Th, Phú T, An Giang.

Các đương sự vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện (bút lục số 06) bản tự khai (bút lục số 17) thì ông Mai Văn Đ khai:

- Ông với bà B thành vợ chồng vào năm 1991, tự lập và được sự đồng ý của cha, mẹ đôi bên, không tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống có hạnh phúc, sau khi sinh đượcđứa con lớn thì bà B không lo làm ăn, tính thình không phù hợp và bỏ nhà ra đi về nhà cha, mẹ vợ, chính thức ly thân từ năm 2014 đến nay.

- Con chung có 03 đứa tên:

1- Mai thị Thanh H, sinh năm 1992 đã có chồng và đang làm công nhân tại tỉnh Bình Dương.

2- Mai Thị Kim Ch, sinh năm 1994, chưa có chồng và sống với ông Đ.

3- Mai Thị Kim Tr, sinh năm 1996, đã có chồng và đang làm công nhân tại tỉnh Bình Dương.

- Về tài sản: có 01 nền đất ngang 6m, dài 13m, tọa lạc ấp Phú Mỹ H, xã Phú Th, Phú T, An Giang, chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và trên mặt đất không có vật gì khác. Ngoài ra không có tài sản nào khác.

- Về nợ phải thu, phải trả: Không có.

Yêu cầu:

- Về hôn nhân: Xin ly hôn với bà B.

- Về con chung: Đã thành niên.

- Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án nầy, sẽ giải quyết việc chia tài sản đó sau khi ly hôn hoặc sau này bà B yêu cầu hưởng thì ông sẽ giao cho bà B hưởng toàn bộ.

Đối với bà Nguyễn Thị B đã được triệu tập lần thứ hai nhưng vắng mặt, do đó không hòa giải được, nhưng theo biên bản lấy lời khai ngày 09 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân thì mẹ của bà B là bà Võ Thị L khai: Khoảng 29 năm trước ông Đ và bà B thành vợ, chồng không đăng ký kết hôn, quá trình chung sống có nhiều lần xa nhau thời gian ngắn, do tính tình không phù hợp, thường xuyên cự cãi và bà B vui chơi cờ bạc, sau đó chung sống lại nhưng không hạnh phúc và ly thân khoảng 4 đến 5 năm nay, hiện nay bà B đi làm ở tỉnh Bình Dương đến ngày tết về nhà bà thăm vui chơi rồi tiếp tục đi làm. Việc có cho ly hôn hay không là do Tòa án quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

{1} Về hình thức, thủ tục tố tụng :

[1.1] Bà B đã được triệu tập để tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần, nhưng đều vắng mặt, vì vậy đã lập các biên bản không tiến hành được phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (bút lục các số: 23, 24, 29, 30).

{1.2} Bà B đã được triệu tập xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, vì vậy HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

{1.3} Ông Đ có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt (bút lục 16), vì vậy HĐXX

căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

{ 2} Về nội dung :

{2.1} Quan hệ hôn nhân: Ông Đ và bà L đều xác nhận hôn nhân của ông Đ với bà B không đăng ký kết hôn, phù hợp tại công văn số 207/CV-UBND ngày 01-4- 2019 của Ủy ban nhân dân xã Phú Thọ, Phú Tân, An Giang (bút lục số 20) thể hiện: " Theo nội dung công văn nêu, ông Mai Văn Đ và bà Nguyễn Thị B thành vợ chồng năm 1991chung cống đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẩn và ly thân, Trong khoảng thời gian này không tìm thấy tên của ông Mai Văn Đ và bà Nguyễn Thị B đăng ký kết hôn tại địa phương". Như vậy hôn nhân giữa hai người không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định : " Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật nầy và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản nầy thì không có giá trị pháp lý .";

Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định : " Nam , nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật nầy chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này" và điểm c khoản 3 Nghị Quyết số 35/2000/QH10 ngày 09- 6- 2000 của Quốc hội quy định : " Kể từ ngày 01- 01- 2001 trở đi, trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 của Nghị quyết nầy, nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, đều không được pháp luật công nhận là quan hệ vợ chồng ; nếu có yêu cầu ly hôn thì Toà án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng..." Như vậy hôn nhân của ông, bà sẽ không được pháp luật bảo vệ và tuyên bố không công nhận là quan hệ vợ chồng .

{2.2} Về quan hệ con chung: Có 03 người sau đây và đã thành niên:

- Mai thị Thanh H, sinh năm 1992 đã có chồng và đang làm công nhân tại tỉnh Bình Dương.

- Mai Thị Kim Ch, sinh năm 1994, chưa có chồng và sống với ông Đ.

- Mai Thị Kim Tr, sinh năm 1996, đã có chồng và đang làm công nhân tại tỉnh Bình Dương.

{2.3}Về tài sản: có 01 nền đất ngang 6m, dài 13m, tọa lạc ấp Phú Mỹ Hạ, xã Phú Thọ, Phú Tân, An Giang, chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và trên mặt đất không có vật gì khác. Ông Đ Không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án nầy, sẽ giải quyết việc chia tài sản đó sau khi ly hôn hoặc sau này bà B yêu cầu hưởng thì ông sẽ giao cho bà B hưởng toàn bộ. Do đó HĐXX không xem xét

trong vụ án nầy mà sau đó nếu hai người không tự thỏa thuận được thí có quyền khởi kiện chia tài sản chung sau khi ly hôn và Tòa án sẽ thụ lý giải quyết ở vụ kiện khác.

{2.4} Về nợ phải thu : Không có, vì vậy HĐXX không xem xét.

{2.5}Về nợ phải trả: không có, vì vậy HĐXX ghi nhận, nhưng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì ông Đ và bà B phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

{2.6} Về án phí DSST: Ông Đ phải chịu án phí về việc ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự là 300.000đ

{3} Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân về việc Thẩm phán, HĐXX, Thư ký và các đương sự chấp hành thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Riêng bà B được triệu tập hợp lệ 02 lần để tiến hành phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và xét xử nhưng vắng mặt, đều đó cho thấy ý thức chấp hành pháp luật chưa thật sự nghiêm. Về nội dung, yêu cầu khởi kiện của ông Đ là có căn cứ pháp luật đề nghị HĐXX xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1, Điều 9; khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân – gia đình;

- Khoản 4 Điều 147; điểm b, khoản 2, Điều 227; các khoản 1, 3, Điều 228; các điều 271; 273; 278 và khoản 1, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự ;

- Điểm c khoản 3 Nghị Quyết số 35/2000/QH10 ngày 09- 6- 2000 của Quốc hội

Tuyên xử:

- Không công nhận quan hệ vợ, chồng giữa ông Mai Văn Đ với bà Nguyễn Thị B.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đ phải chịu án phí về việc xin ly hôn là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng chẵn), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng chẵn), theo biên lai thu số 0005599 ngày 27- 3-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Đ và bà B có quyền kháng cáo thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thành Dũng